

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2023/DS-ST
Ngày: 20/9/2023
“V/v Tranh chấp hợp đồng góp hội
và vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Pho.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Tấn Kiệt.
2. Bà Lê Thị Ngọc Bích.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ý là Thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Linh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và ngày 20 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 226/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2020 về việc “V/v Tranh chấp hợp đồng góp hội và vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2023/QĐXXST-DS, ngày 28/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2023/QĐST-DS ngày 11/9/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Tiến P**, sinh năm 1978. Địa chỉ: Khu phố Xà Ngách, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Mai Hồng H**, sinh năm 1969. Địa chỉ: Ấp Rạch Đùng, xã T, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Ông **Huỳnh Định T**, sinh năm 1986 và bà **Đào Thị Mộng K**, sinh năm 1984 (đã chết). Ông T là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà K. Cùng địa chỉ: Khu phố Xà Ngách, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Nguyễn Thị Mỹ H**, sinh năm:

1983. Địa chỉ: Khu phố Xà Ngách, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

(Bà H, ông H có đơn xin vắng mặt, ông P, ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ông Mai Hồng H người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày và yêu cầu như sau:

Vợ chồng ông Nguyễn Tiến P và bà Nguyễn Thị Mỹ H có tổ chức góp vốn bằng hình thức chơi hội, trong đó có vợ chồng ông Huỳnh Định T và bà Đào Thị Mộng K tham gia như sau:

- Đối với dây hội 5.000.000 đồng, mỗi tháng khai 01 lần, khai vào ngày 30/11/2018 (dương lịch), tổng cộng có 22 người tham gia, trong đó ông T, bà K tham gia 01 đầu. Hội khai đến kỳ thứ 03 vào ngày 30/01/2019, ông T, bà K hốt hội và vợ chồng ông P có giao số tiền 69.510.000 đồng cho ông T (có biên nhận có chữ ký xác nhận của ông T kèm theo). Sau đó ông T, bà K đóng được 12 kỳ hội chết x 5.000.000 đồng = 60.000.000 đồng, còn lại 07 kỳ hội chết chưa đóng x 5.000.000 đồng = 35.000.000 đồng.

- Đối với dây hội 3.000.000 đồng, mỗi tháng khai 01 lần, khai vào ngày 10/12/2019 (dương lịch), tổng cộng có 22 người tham gia, trong đó ông T, bà K tham gia 03 đầu. Hội khai kỳ đầu tiên thì ông T và bà K hốt hết 03 đầu x 41.250.000 đồng = 123.750.000 đồng (có biên nhận có chữ ký xác nhận của ông T và bà K kèm theo). Sau khi nhận tiền ông T, bà K đóng được 02 kỳ hội chết x 03 đầu x 3.000.000 đồng = 18.000.000 đồng, còn lại 19 kỳ hội chết chưa đóng x 03 đầu x 3.000.000 đồng = 171.000.000 đồng.

- Đối với dây hội ngày 100.000 đồng, khai vào ngày 11/02/2020 (dương lịch), tổng cộng có 71 người tham gia, trong đó ông T, bà K tham gia 07 đầu. Hội khai kỳ đầu tiên thì ông T, bà K hốt hết 07 đầu x 90.000 đồng x 70 đầu hội sống = 44.100.000 đồng, sau khi trừ tiền còn 700.000 đồng, ông T, bà K nhận được số tiền 43.400.000 đồng. Ông T, bà K đóng được 12 lần hội chết x 100.000 đồng x 07 đầu = 8.400.000 đồng, còn lại 58 kỳ hội chết chưa đóng x 100.000 đồng x 07 đầu = 40.600.000 đồng.

Ngoài ra vợ chồng ông T, bà K còn vay vợ chồng ông P số tiền 70.000.000 đồng, trong biên nhận chỉ ghi 50.000.000 đồng (do chính ông T viết vào biên nhận), còn số tiền 20.000.000 đồng ông T mượn sau nên chưa ghi vào biên nhận do lúc đó vợ chồng ông P tin tưởng vào uy tín của ông T nên không ghi.

Theo đơn khởi kiện ông Nguyễn Tiến P yêu cầu vợ chồng ông Huỳnh Định T và bà Đào Thị Mộng K PH trả tổng số tiền còn nợ là 35.000.000 đồng +

171.000.000 đồng + 40.600.000 đồng + 70.000.000 đồng = 316.600.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Theo biên bản xác minh bà Nguyễn Thị Mỹ H người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà H thống nhất với yêu cầu khởi kiện của chồng bà là ông Nguyễn Tiến P, yêu cầu ông T, bà K pH trả cho vợ chồng bà tổng số tiền còn nợ là 316.600.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Qua xác minh thì địa pH xác nhận ông T, bà K có đăng ký thường trú tại tổ 03, khu phố Xà Ngách, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Từ khi bà K vợ ông T mất đến nay thì ông T bỏ đi khỏi địa pH, từ lúc bỏ đi đến nay không thấy quay về, không biết đi đâu và làm gì.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết và thực hiện việc thông báo trên pH tiện thông tin đại chúng như đăng báo Công lý hằng ngày trong 03 số liên tiếp, phát sóng trên Đài tiếng nói Việt Nam 03 lần trong 03 ngày liên tiếp, đăng trên cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng tại tất cả các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử bị đơn đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể làm việc với bị đơn và không tiến hành hòa giải được vụ án. Vì vậy Tòa án căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng trình tự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên vụ án còn để quá thời hạn chuẩn bị xét xử nên cần rút kinh nghiệm trong thời gian tới. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông P, buộc ông T trả cho ông P, bà H số tiền nợ hui và tiền vay là 296.600.000 đồng, đề nghị không chấp nhận đối yêu cầu về số tiền vay 20.000.000 đồng. Ông T pH chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn ông Huỳnh Định T, bà Đào Thị Mộng K có nơi cư trú tại khu phố Xà Ngách, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của

Tòa án nhân dân huyện K. Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng góp hui và vay tài sản quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án tiến hành tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông T vắng mặt nhiều lần không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Ông H, bà H vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

Toà án đã tiến hành thông báo trên các pH tiện thông tin đại chúng và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng không nhận được ý kiến phản hồi của ông Huỳnh Định T đối với yêu cầu khởi kiện của ông P, điều này chứng tỏ ông T không hợp tác, cố tính giấu địa chỉ nhằm trốn tránh trách nhiệm trả nợ, từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Chính quyền địa pH xác nhận vợ chồng ông T, bà K có sinh sống và đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu phố Xà Ngách, thị trấn K, huyện K. Ông T chỉ bỏ đi từ lúc bà K vợ ông bị bệnh mất cho đến nay.

Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào các biên nhận có trong hồ sơ vụ án do đương sự cung cấp có chữ ký xác nhận của ông Huỳnh Định T, bà Đào Thị Mộng K về việc ông T, bà K có nhận tiền hui và tiền vay của ông P, bà H, cụ thể Hội đồng xét xử chấp nhận các khoản như sau:

Về số tiền ông T, bà K đã hót hui và nhận tiền hui của ông P, bà H nhưng sau đó chỉ đóng được một phần hui chết, còn nợ lại số tiền hui chết chưa đóng tổng cộng là 35.000.000 đồng + 171.000.000 đồng + 40.600.000 đồng = 246.600.000 đồng. Xét thấy yêu cầu là phù hợp nên chấp nhận.

Về số tiền vay 70.000.000 đồng, trong biên nhận chỉ thể hiện số tiền là 50.000.000 đồng, còn số tiền 20.000.000 đồng thì ông P, bà H cho rằng do tin tưởng nên không ghi vào biên nhận. Tuy nhiên lời trình bày của ông P, bà H là không có cơ sở chứng minh nên không được chấp nhận đối với số tiền 20.000.000 đồng.

Vì vậy xét chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn pH trả cho nguyên đơn tổng số tiền hui và tiền vay còn nợ là 246.600.000 đồng + 50.000.000 đồng = 296.600.000 đồng. Do nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên ghi nhận.

[4] Qua xác minh và được Ủy ban nhân dân thị trấn K xác nhận bà Đào Thị Mộng K mất tại nhà ở khu phố Xà Ngách, thị trấn K, huyện K vào ngày 25/02/2020 theo giấy chứng tử số 254/TLKT-BS ngày 26/02/2020. Vì vậy xét thấy ông T chồng bà K là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà K nên buộc ông Huỳnh Định T pH có nghĩa vụ trả số tiền nợ 296.600.000 đồng cho ông P, bà H là phù hợp.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do ông T bị buộc trả nợ nên pH chịu án phí trên số tiền pH trả. Do một phần yêu cầu không được chấp nhận nên ông P, bà H pH chịu án trên số tiền không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 463, 468, 471 của Bộ luật Dân sự;
- Các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Huỳnh Định T pH trả cho ông Nguyễn Tiến P và bà Nguyễn Thị Mỹ H số tiền 296.600.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người bị thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thi hành án thì người bị thi hành án còn pH chịu thêm một khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Không chấp nhận đòi với yêu cầu của ông Nguyễn Tiến P và bà Nguyễn Thị Mỹ H về việc buộc ông Huỳnh Định T pH trả số tiền 20.000.000 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Huỳnh Định T pH chịu số tiền án phí là 14.830.000 đồng.
- Buộc ông Nguyễn Tiến P và bà Nguyễn Thị Mỹ H pH chịu số tiền án phí là 1.000.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.915.000 đồng theo lai thu số 0000480 ngày 03/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, nên ông P, bà H được nhận lại số tiền 6.915.000 đồng.

3. Quyền kháng cáo: Ông P, ông T, bà H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tænh Kieân Giang;
- VKSND tænh Kieân Giang;
- VKSND huyeân Kieân Lööng;
- Chi cục THADS huyeân Kieân Lööng;
- Nhööng ngöôøi TGTT;
- Löu taäp aùn, hoà sô;

**TM. HOÀI ÑOÀNG XEÙT XÖÙ SÔ
THAẢM
THAẢM PHAÙN – CHUÛ TOAÏ PHIEÂN
TOØA**

Nguyễn Văn Pho